

BÀI 3. Hồn Nước Nằm Trong Tiếng Mẹ Cha

*Họ yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỉ
để chia sẻ vui buồn với cha ông.*

(Hoài Thanh)

VĂN BẢN 1:

KIM- KIỀU GẶP GỠ

(Trích Truyện Kiều – Nguyễn Du)

I. MỤC TIÊU:

1. Về năng lực:

a, Năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại.

- Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

b, Năng lực chung (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tự chủ và tự học)

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp, thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

- Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập.

- Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được GV, bạn bè góp ý; chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ của người khác khi gặp khó khăn trong học tập.

2. Về phẩm chất:

Tự hào, trân trọng những di sản văn hoá, văn học của dân tộc; có ý thức gìn giữ và phát triển tiếng Việt.

II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu:

HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

2. Nội dung: giới thiệu một tác phẩm văn học hoặc bộ phim có câu chuyện tình yêu

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

4. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):

Giới thiệu một tác phẩm văn học hoặc bộ phim có câu chuyện tình yêu để lại cho em ấn tượng đẹp.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh: Trình bày

+ Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời

+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

- Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, dẫn vào bài

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

I. TÌM HIỂU CHUNG

a) Mục đích: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Nguyễn Du và tác phẩm *Truyện Kiều*

b) Nội dung: Sử dụng sgk và kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

GV Chuyển giao nhiệm vụ 1

GV yêu cầu HS hoàn thành sơ đồ giới thiệu thông tin chính về tác giả Nguyễn Du và tác phẩm *Truyện Kiều* (yêu cầu 2, phiếu học tập số 1)

Thực hiện nhiệm vụ:

-GV hỗ trợ, hướng dẫn HS đọc, trao đổi và hoàn thành phiếu học tập số 1

-HS trình bày ngắn gọn thông tin đã tìm hiểu về tác giả và tác phẩm.

Báo cáo: GV gọi HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.

Kết luận, nhận định: GV nhận xét tổng kết, đánh giá, bổ sung các câu trả lời.

-Gv yêu cầu hs đọc bài và hướng dẫn tìm hiểu một số từ khó

1. Tìm hiểu về tác giả Nguyễn Du và *Truyện Kiều*

-Hoàn thành sơ đồ tư duy về Nguyễn Du và *Truyện Kiều*

a. Tác giả Nguyễn Du

* Thân thế, thời đại

- Sinh năm 1765, mất năm 1820.

Sinh ra, lớn lên trong thời đại lịch sử nhiều biến động.

- Quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, trấn Nghệ An (nay là huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh).

- Cuộc đời nhiều thăng trầm, vốn sống phong phú.

* Sự nghiệp văn học

- Tác phẩm chữ Hán: *Thanh Hiên thi tập* (78 bài); *Nam trung tạp ngâm* (40 bài); *Bắc hành tạp lục* (132 bài).

- Tác phẩm chữ Nôm tiêu biểu: *Truyện Kiều*, *Văn tế thập loại chúng sinh*.

- Nguyễn Du được suy tôn là đại thi hào của dân tộc, được UNESCO vinh danh và kỉ niệm 250 năm ngày sinh của ông.

b. *Truyện Kiều*

- Nguồn gốc cốt truyện: sáng tạo dựa trên tiểu thuyết *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân.

- Ngôn ngữ, thể loại: viết bằng chữ Nôm, theo thể loại truyện thơ Nôm.

- Cảm hứng: xót thương cho số phận bi kịch của người phụ nữ, khẳng định vẻ đẹp và giá trị của con người, trân trọng khát vọng chính đáng của họ, tố cáo thực trạng xã hội bất công, ngang trái.

- Giá trị: nổi bật về nội dung là giá trị nhân đạo và giá trị hiện thực; nổi bật về hình thức là nghệ thuật xây dựng nhân vật, sử dụng ngôn ngữ và thể thơ, tổ chức cốt truyện,...

2. Đọc- tìm hiểu từ ngữ khó

- HS học thuộc lòng một số phần yêu thích trong đoạn trích.

<p>GV Chuyển giao nhiệm vụ 2</p> <p>-GV yêu cầu HS xem lại Phiếu học tập số 2 (làm ở nhà), trả lời các câu hỏi:</p> <p>+ Đoạn trích <i>Kim – Kiều gặp gỡ</i> gồm bao nhiêu câu thơ?</p> <p>+ Đoạn trích nằm ở phần nào trong mô hình cốt truyện của <i>Truyện Kiều</i>?</p> <p>-GV yêu cầu HS trình bày nội dung đã chuẩn bị ở yêu cầu 1, phiếu học tập số 2.</p> <p>GV hỏi: Đoạn trích có những nhân vật nào? Mối quan hệ giữa các nhân vật như thế nào?</p> <p>– GV hỏi: Sự việc chính được kể trong đoạn trích là gì? Dựa vào đâu em biết được điều đó?</p>	<p>– HS đọc diễn cảm, thể hiện được tâm trạng, cảm xúc của các nhân vật.</p> <p>HS hiểu đúng từ ngữ khó trong VB.</p> <p>3.Vị trí đoạn trích</p> <p>– Đoạn trích gồm 36 câu, từ câu 141 đến câu 184 trong <i>Truyện Kiều</i> (có lược một số câu).</p> <p>– Đoạn trích nằm ở phần <i>Gặp gỡ</i> trong mô hình kết cấu thường gặp <i>Gặp gỡ – Chia li – Đoàn tụ</i> của truyện thơ Nôm.</p> <p>4. Bố cục đoạn trích</p> <p>– 12 câu thơ đầu: <i>Gặp gỡ – Chia li – Đoàn tụ</i></p> <p>– 10 câu thơ tiếp: miêu tả tâm trạng, cảm xúc của Thuý Kiều và Kim Trọng trong buổi đầu gặp gỡ.</p> <p>– 14 câu thơ cuối: tâm trạng, cảm xúc của Thuý Kiều khi trở về nhà.</p> <p>5. Hệ thống nhân vật và sự việc được kể</p> <p>– Có 4 nhân vật xuất hiện trong buổi gặp gỡ đầu xuân: 3 chị em (Thuý Kiều, Thuý Vân, Vương Quan) và Kim Trọng – người bạn của Vương Quan. Trung tâm câu chuyện là Thuý Kiều và Kim Trọng.</p> <p>– Đoạn trích miêu tả cuộc gặp gỡ giữa Thuý Kiều, Kim Trọng cùng diễn biến tâm lí của các nhân vật trong và sau cuộc gặp gỡ. Nhan đề và nội dung được kể trong đoạn trích thể hiện rõ điều đó.</p>
II.TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN	
<p>a) Mục đích: Giúp HS nắm được</p> <p>- Chân dung Kim Trọng</p> <p>- HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác.</p> <p>b) Nội dung: Sử dụng sgk và kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ</p> <p>c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.</p>	<p>1.Chân dung Kim Trọng</p> <p>– Kim Trọng xuất hiện trong khung cảnh thiên nhiên êm đềm, thơ mộng: <i>Hài vãn lần bước dặm xanh/ Một vùng như thể cây quỳnh cành dao.</i></p> <p>– Chân dung Kim Trọng được khắc họa qua:</p> <p>+ Cử chỉ, hành động lịch thiệp, nho nhã: <i>xuống ngựa tới nơi tỵ tình.</i></p>

<p>d) Tổ chức thực hiện:</p> <p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Giáo viên nêu yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – GV yêu cầu HS đọc 12 câu đầu đoạn trích (SGK, tr. 66 – 67), dựa vào yêu cầu 3, phiếu học tập số 3 để tìm hiểu chân dung nhân vật Kim Trọng. – GV hỏi: + Nhân vật Kim Trọng xuất hiện trong khung cảnh như thế nào? + Nhân vật được miêu tả trên những phương diện nào? + Nhân vật được giới thiệu và miêu tả bằng lời của ai? + Đoạn thơ đã khắc hoạ vẻ đẹp như thế nào của nhân vật? <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Học sinh: suy nghĩ trả lời. + Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Học sinh đứng tại chỗ trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày. <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. <p>=>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.</p> <p>a) Mục đích: Giúp HS nắm được</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm xúc, tâm trạng của Thúy Kiều, Kim Trọng trong buổi gặp gỡ - HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác. <p>b) Nội dung: Sử dụng sgk và kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ</p> <p>c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p> <p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>-GV yêu cầu HS đọc 10 câu thơ</p>	<p>+Trang phục, dung mạo trẻ trung, thanh lịch: <i>hài văn lần bước dặm xanh</i>.</p> <p>+ Gia thế giàu sang, quyền quý: <i>nhà trâm anh, nền phú hậu</i>.</p> <p>+Tư chất thông minh, tài năng văn chương xuất chúng: <i>văn chương nét đất, thông minh tính trời</i>.</p> <p>=> Chân dung nhân vật toát lên vẻ hào hoa, lịch lãm và phong nhã.</p> <p>– Kim Trọng được miêu tả và giới thiệu qua lời người kể chuyện. Nguyễn Du dẫn dắt người đọc đi từ vẻ đẹp ngoại hình đến vẻ đẹp của phẩm cách và tâm hồn nhân vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim Trọng mang vẻ đẹp hoàn hảo, lí tưởng của mẫu người tài tử, văn nhân thời xưa. Sự kết hợp giữa yếu tố tĩnh (ngoại hình) và yếu tố động (cử chỉ, hành động) tạo nên bức chân dung thống nhất, hoàn mĩ. <p>2.Cảm xúc, tâm trạng của Thúy Kiều, Kim Trọng trong buổi gặp gỡ</p> <p>+ Khi lần đầu gặp gỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> -bóng hồng....mặn mà cả hai <p>->Kim Trọng mới chỉ nhìn thoáng qua nhưng đã rất ngỡ ngàng trước vẻ đẹp mặn mà của hai chị em Kiều.</p> <p>+ Khi tình yêu chớm nở:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Người quốc sắc.../ tình trong như đã...e <p>->tuy vừa mới gặp lần đầu nhưng cả kim và kiều đã đã “tình trong như đã” từ thuở nào nhưng vì lễ giáo phong kiến nên còn ngại ngùng. Vì thế mà: Rón ngời chẳng tiện dứt về chĩn khôn.</p>
---	---

tiếp (*Bóng hồng nhác thấy nẻo xa ... Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*) (SGK, tr. 67).

-GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm để thực hiện các yêu cầu trong phiếu học tập số 4.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ *Học sinh*: suy nghĩ trả lời.

+ *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ hs

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời

+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe

Hs trình bày.

- Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

=>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.

a) Mục đích: Giúp HS nắm được

- Cảm xúc, tâm trạng của Thúy Kiều, khi trở về khuê phòng

- HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác.

b) Nội dung: Sử dụng sgk

và kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV yêu cầu HS đọc đoạn đoạn cuối làm việc theo nhóm, thực hiện các yêu cầu của câu hỏi 4, SGK, tr. 69 – 70.

? phân tích đặc điểm của bức tranh thiên nhiên(thời gian, không gian, cảnh vật). Miêu tả bức tranh thiên nhiên ấy, tác giả muốn thể hiện trạng thái, cảm xúc nào của nhân vật?

? chỉ ra đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời nhân vật.

Lời nhân vật được thể hiện ở hình thức nào và điều gì giúp em nhận biết hình thức đó?

+ lúc chia xa:

-Khách đà lên ngựa người còn ghé theo.

-> sự lưu luyến, nức lòng, không muốn chia xa cả người lên ngựa và người ở lại.

=> Nghệ thuật: Tác giả miêu tả tâm lí nhân vật: sử dụng ngôn ngữ dân tộc kết hợp với bút pháp tả cảnh ngụ tình.

3.Tâm trạng của Thúy Kiều khi trở về khuê phòng

a. Bức tranh thiên nhiên

–Thời gian chuyển dần từ chiều muộn sang đêm tối.

– Không gian: “Gương nga....là đà”: Không gian được mở rộng từ khuê phòng của người thiếu nữ đến bầu trời rộng lớn, mặt nước long lanh, vòm cây trước sân, tất cả đang ngập tràn sắc vàng lộng lẫy của ánh trăng.

–> Bức tranh thiên nhiên tươi đẹp, tràn đầy xuân sắc phản chiếu nỗi niềm băng khuâng, xao xuyến và cảm giác hân hoan, rạo rực của người thiếu nữ bắt đầu yêu.

b.Hình thức ngôn ngữ: tác giả sử dụng kết hợp các hình thức lời người kể chuyện và lời độc thoại của nhân vật

- lời người kể chuyện: tả thiên nhiên, kể hành động và diễn biến tâm lí nhân vật.

- Lời độc thoại nội tâm của kiều (các câu thơ đặt trong dấu ngoặc kép). Qua lời độc thoại ta thấy được tâm trạng

rộn đường gần với nỗi xa bời bời của nhân vật được phơi bày rõ nét. Đó là sự cộng hưởng hai cảm xúc vừa thống nhất vừa đối lập:

+ Nỗi xót xa, thương cảm cho số phận bi kịch của nàng Đạm Tiên.

+ Niềm băng khuâng, xao xuyến, chan chứa hi vọng nhưng cũng

<p>? cho biết nhân vật đã bộc lộ những cảm xúc, suy nghĩ gì trong lời nói của mình.</p> <p>? Em hãy nhận xét về việc sử dụng các phương tiện nào để làm nổi bật tâm trạng của nàng Kiều?</p> <p>-- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Học sinh</i>: suy nghĩ trả lời. + <i>Giáo viên</i>: quan sát, hỗ trợ hs <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Học sinh đứng tại chỗ trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày. <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. <p>=>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.</p>	<p>phấp phồng lo âu khi nghĩ đến Kim Trọng.</p> <p>=> <i>Nguyễn Du đã sử dụng nhiều phương tiện như lời người kể chuyện, lời nhân vật, bút pháp tả cảnh ngụ tình để thể hiện thế giới nội tâm của nhân vật Thuý Kiều</i></p>
III. TỔNG KẾT	
<p>a, Mục đích: HS nhận biết được chủ đề, đặc điểm nghệ thuật của văn bản</p> <p>b) Nội dung: Sử dụng sgk và kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ</p> <p>c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p> <p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên.</p> <p>Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nêu chủ đề của đoạn trích, qua đó nhận xét về tư tưởng, tình cảm của tác giả. 2. Khái quát những đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích. <p>d, Thực hiện nhiệm vụ: GV hỗ trợ, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ và trình bày sản phẩm; chốt kiến thức vào vở.</p> <p>Báo cáo: GV gọi HS trình bày,</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ đề: <ul style="list-style-type: none"> + Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, của tuổi trẻ và tình yêu tự do. + Thể hiện sự đồng cảm, đồng tình với khát vọng tình yêu; tình yêu thương và sự trân trọng con người, đặc biệt là người phụ nữ. 2. Nghệ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Nghệ thuật xây dựng nhân vật: khắc hoạ nhân vật ở cả hai phương diện: con người ngoại hiện với ngoại hình, cử chỉ, hành động và con người nội cảm với chiều sâu tâm lí. Tác giả kết hợp nhiều phương tiện nghệ thuật để khắc hoạ nhân vật: lời kể của người kể chuyện, lời độc thoại nội tâm của nhân vật, bút pháp tả cảnh ngụ tình,... + Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ: kết hợp nhuần nhuyễn từ Hán Việt và từ thuần Việt, khai thác giá trị biểu cảm của lớp từ láy trong việc tả cảnh thiên nhiên và nội tâm con người

HS khác nhận xét, bổ sung.

Kết luận, nhận định:

GV nhận xét tổng kết, đánh giá, bổ sung các câu trả lời.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

HS củng cố kiến thức về VB *Kim – Kiều gặp gỡ*, kỹ năng đọc hiểu đoạn trích trong truyện thơ Nôm.

2. Nội dung hoạt động

HS củng cố kiến thức về đọc hiểu đoạn trích thuộc truyện thơ Nôm; thực hành *Viết kết nối với đọc*.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa

4. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):

1. Nêu cách đọc hiểu đoạn trích trong truyện thơ Nôm.

2. *Viết kết nối với đọc*: Chọn 2-4 dòng thơ miêu tả cảnh thiên nhiên trong đoạn trích và viết đoạn văn phân tích

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

-HS Nêu cách đọc hiểu đoạn trích trong truyện thơ Nôm:

Cách đọc hiểu đoạn trích trong truyện thơ Nôm: xác định vị trí của đoạn trích trong tác phẩm, bố cục của đoạn trích, hệ thống nhân vật, sự việc chính được kể; tìm hiểu đặc điểm nhân vật, bút pháp xây dựng nhân vật, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ và chủ đề của đoạn trích.

-HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét...

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

- Chiều (đọc) đoạn văn mẫu.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS vẽ tranh hoặc đóng kịch theo cảm nhận và hình dung của mình; HS so sánh cảnh sắc thiên nhiên trong đoạn trích với các đoạn trích khác trong *Truyện Kiều*, so sánh nhân vật Thuý Kiều trong đoạn trích *Kim – Kiều gặp gỡ* với đoạn trích tương ứng trong *Kim Vân Kiều truyện* (Thanh Tâm Tài Nhân),...

3. Sản phẩm: Tranh vẽ của HS, bài làm của HS

4. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HS chọn 1 trong các nội dung sau:

- Vẽ tranh minh họa một nhân vật hoặc một khung cảnh trong đoạn trích *Kim – Kiều gặp gỡ*.

- Đóng kịch tái hiện cuộc gặp gỡ giữa Thuý Kiều và Kim Trọng.

- So sánh bức tranh thiên nhiên giữa các đoạn trích trong *Truyện Kiều*.
- So sánh nhân vật Thuý Kiều trong đoạn trích *Kim – Kiều gặp gỡ* với đoạn trích tương ứng trong *Kim Vân Kiều truyện*.

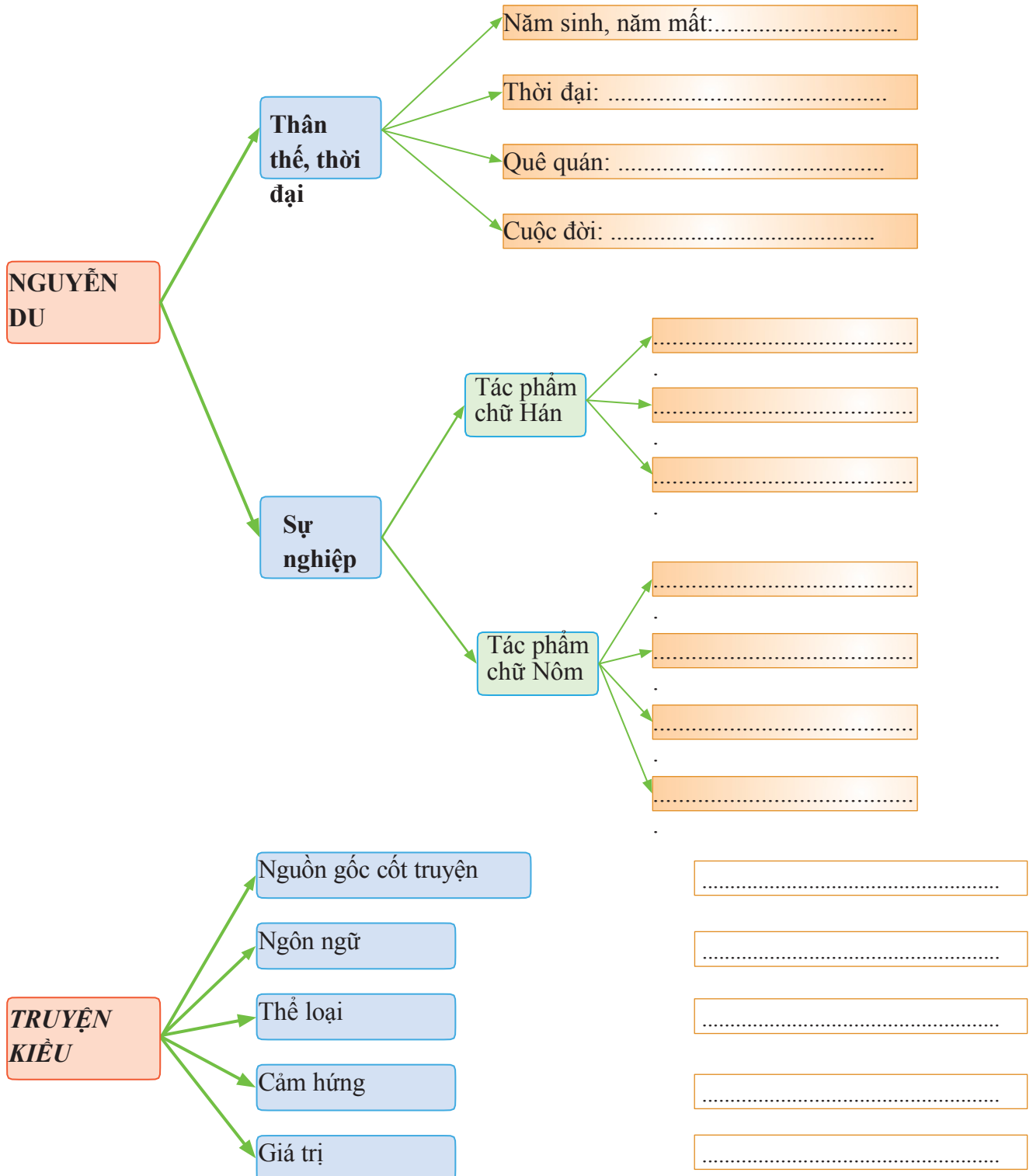
B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Tìm hiểu về tác giả Nguyễn Du và tác phẩm *Truyện Kiều*, hoàn thành sơ đồ

theo gợi ý:



PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

1. Đọc đoạn trích *Kim – Kiều gặp gỡ*, điền thông tin vào chỗ trống để hoàn thành bảng sau:

<p><i>Vị trí đoạn trích</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Từ câu thơ đến câu trong <i>Truyện Kiều</i> (lược bớt 8 câu).- Thuộc phần trong mô hình kết cấu cốt truyện ba phần: <i>Gặp gỡ – Chia li – Đoàn tụ</i>	

Bố cục đoạn trích

- 12 dòng thơ đầu:
- 10 dòng thơ tiếp theo:
-
- 14 dòng thơ cuối:

Hệ thống nhân vật

Kim -Kiều
gặp gỡ

.....

Sự việc được miêu tả

.....
.....
.....
.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

2. Đọc 12 câu thơ đầu đoạn trích *Kim – Kiều gặp gỡ*, điền thông tin giới thiệu và miêu tả nhân vật Kim Trọng.

CHÂN DUNG KIM TRỌNG

Khung cảnh xuất hiện		
Ngoại hình, cử chỉ, hành động		
Xuất thân, gia thế		
4. Tư chất, tài năng		

Nhận xét về chân dung Kim Trọng

Nhân vật được miêu tả và giới thiệu bằng lời của ai?

Nhân vật mang vẻ đẹp như thế nào?

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc 10 câu thơ (*Bóng hồng nhác thấy nẻo xa... Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*), làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Điền thông tin miêu tả tâm trạng, cảm xúc của Thuý Kiều và Kim Trọng vào bảng dưới đây:

TÂM TRẠNG, CẢM XÚC CỦA THUÝ KIỀU, KIM TRỌNG

Diễn biến	Trạng thái cảm xúc	Từ ngữ miêu tả
Khi lần đầu gặp gỡ		
Khi tình yêu chớm nở		
Lúc chia xa		

2. Nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật của Nguyễn Du

.....

.....

.....

.....

.....

uigeli.xyz
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
CHỮ NÔM

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

Định hướng cho HS nội dung bài học; tạo được hứng thú; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS xem video clip, thực hiện yêu cầu của GV.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none">– GV cho HS xem 1 đoạn video clip (2 – 3 phút) giới thiệu về sự hình thành của chữ Nôm trong đời sống văn hoá của người Việt. Gợi ý đường link tham khảo: https://www.youtube.com/watch?v=ktBm– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, ghi và nhắc lại những thông tin nghe được về chữ Nôm.OIXZCtw	<ul style="list-style-type: none">– HS xem video.– HS ghi và nhắc lại các thông tin về chữ Nôm.	<ul style="list-style-type: none">– Một số thông tin về chữ Nôm, ví dụ: thời điểm hình thành; mục đích của việc sáng tạo ra chữ Nôm; người đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành, phát triển của chữ Nôm,...

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

HS hiểu biết sơ giản về nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển và vai trò của chữ Nôm trong nền văn hoá dân tộc.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để tìm hiểu về chữ Nôm.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
<p>GV hướng dẫn HS đọc và tóm tắt nội dung về chữ Nôm trong phần Tri thức ngữ văn (tr. 65) và khung Sơ giản về chữ Nôm trong SGK (tr. 70). Lưu ý các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none">– Nguồn gốc, mục đích sử dụng.– Thời điểm hình thành, các mốc thời gian quan trọng trong quá trình phát triển.	<p>HS làm việc nhóm, tóm tắt nội dung, trình bày, thảo luận.</p>	<p>I. Sơ giản về chữ Nôm</p> <p>1. Nguồn gốc, quá trình hình thành chữ Nôm</p> <ul style="list-style-type: none">– Chữ Nôm là chữ viết cổ dùng để ghi âm tiếng Việt, được cha ông ta sáng tạo dựa theo kí hiệu văn tự Hán.– Chữ Nôm được hình thành vào khoảng thế kỉ X và được sử dụng để sáng tác văn học từ khoảng thế kỉ XII – XIII.

<ul style="list-style-type: none"> – Các tác giả tiêu biểu của bộ phận văn học viết bằng chữ Nôm. – Vai trò, ý nghĩa của chữ Nôm. – Phương thức cấu tạo. 		<ul style="list-style-type: none"> – Hàn Thuyên được cho là người có công đầu trong việc phát triển, phổ biến chữ Nôm. Nhiều tác giả đã sử dụng chữ Nôm trong sáng tác, tạo nên dòng văn học Nôm với nhiều thành tựu xuất sắc như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến,... – Sự ra đời của chữ Nôm thể hiện tinh thần tự cường, tự tôn dân tộc. Chữ Nôm góp phần quan trọng vào quá trình phát triển của nền văn học và văn hoá dân tộc. <p>2. Phương thức cấu tạo chữ Nôm Chữ Nôm được cấu tạo theo hai phương thức chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phương thức vay mượn: dung chữ Hán có sẵn để ghi âm tiết tiếng Việt giống hoặc gần giống âm Hán Việt của chữ Hán đó. – Phương thức tự tạo: kết hợp kí hiệu văn tự Hán với kí hiệu chính âm để tạo ra một chữ Nôm.
---	--	--

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

HS củng cố kiến thức về chữ Nôm.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện các bài tập trong SGK.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 trong SGK, tr. 70 (làm việc cá nhân). – GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 2 	<ul style="list-style-type: none"> – HS thực hiện bài tập 1; trình bày, góp ý cho nhau. – HS thực hiện bài tập 2; trình bày, - 	<p>II. Luyện tập</p> <p>1. Bài tập 1</p> <p>Tư tưởng khẳng định sự tự chủ, tự cường của dân tộc.</p> <p>Khát vọng xây dựng nền văn học tiếng Việt, góp phần phát triển văn học, văn hoá dân tộc.</p> <p>2. Bài tập 2</p> <p>Thơ Nôm Đường luật: <i>Quốc âm thi tập</i></p>

trong SGK, tr. 70 (làm việc cá nhân). – GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 3 trong SGK, tr. 70 (làm việc theo nhóm).	góp ý cho nhau.	(Nguyễn Trãi); <i>Tự tình</i> , <i>Đề đền Sầm Nghi Đống</i> ,... (Hồ Xuân Hương); <i>Thu điếu</i> , <i>Thu ẩm</i> , <i>Thu vịnh</i> ,... (Nguyễn Khuyến). – Ngâm khúc: <i>Chinh phụ ngâm khúc</i> (bản dịch của Đoàn Thị Điểm (?)), <i>Cung oán ngâm khúc</i> (Nguyễn Gia Thiều),... – Truyện thơ Nôm: <i>Truyện Kiều</i> (Nguyễn Du), <i>Sơ kính tân trang</i> (Phạm Thái), <i>Truyện Lục Vân Tiên</i> (Nguyễn Đình Chiểu),... – Văn tế: <i>Văn tế thập loại chúng sinh</i> (Nguyễn Du), – <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> (Nguyễn Đình Chiểu),... 3. Bài tập 3 – HS trả lời theo trải nghiệm và quan điểm cá nhân. – Ngày nay, <i>Truyện Kiều</i> chủ yếu được lưu truyền qua các VB chữ quốc ngữ vì đa số người đọc không đọc được chữ Nôm. Tuy nhiên, việc bảo tồn những VB <i>Truyện Kiều</i> bằng chữ Nôm rất quan trọng, nó không chỉ phục vụ cho việc nghiên cứu chữ Nôm mà còn đóng vai trò lưu giữ giá trị văn hoá truyền thống dân tộc.
--	-----------------	---

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức về chữ Nôm để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS tìm hiểu và giải thích tại sao hiện nay chữ Nôm không còn là văn tự được sử dụng phổ biến.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
– GV yêu cầu HS tìm hiểu vai trò của chữ Nôm thời trung đại và lí giải nguyên nhân chữ Nôm không còn là văn tự được sử dụng phổ biến thời hiện đại.	– HS tìm hiểu, trình bày, nhận xét, góp ý.	– Vai trò của chữ Nôm thời trung đại: Chữ Nôm phản ánh ý chí tự chủ, tự cường; đóng vai trò nâng cao vị thế của tiếng Việt; góp phần quan trọng vào việc phát triển nền văn học, văn hoá dân tộc. – Lí do chữ Nôm không còn được sử dụng phổ biến: Chữ Nôm là chữ tượng hình, cách viết, cách đọc phức tạp, hơn nữa lại không theo một quy tắc thống nhất; cấu tạo

<p>– GV yêu cầu HS giới thiệu về một tác phẩm văn học viết bằng chữ Nôm.</p>	<p>– HS tìm hiểu, viết bài giới thiệu.</p>	<p>của chữ Nôm không giúp người đọc đánh vần theo cách ghép âm đầu, vần, thanh điệu để đọc như chữ quốc ngữ; muốn đọc được chữ Nôm thì phải có hiểu biết về chữ Hán. Bởi thế, khi chữ quốc ngữ xuất hiện, nó dần thay thế vị trí của chữ Nôm.</p> <p>– Bài giới thiệu về một tác phẩm văn học viết bằng chữ Nôm.</p>
--	--	--

LỤC VÂN TIÊN ĐÁNH CƯỚP, CỨU KIỀU NGUYỆT NGÀ

(Trích "*Truyện Lục Vân Tiên*" của Nguyễn Đình Chiểu)

I. Mục tiêu:

1. Về kiến thức:

a. Đọc- hiểu

- + Những hiểu biết bước đầu về tác giả NĐC và tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên*.
- + Thể loại thơ lục bát truyền thống của dân tộc qua tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên*.
- + Những hiểu biết bước đầu về nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên*.
- + Khát vọng cứu người, giúp đời của tác giả và phẩm chất của hai nhân vật *Lục Vân Tiên* và *Kiều Nguyệt Nga*.

b. Viết.

- Viết được đoạn văn phân tích hình ảnh tiêu biểu trong tác phẩm
- Viết bài văn bày tỏ suy nghĩ của mình về tác phẩm

c. Nói và nghe.

- Nêu nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản.
- Cảm nhận được phân trình bày của GV và bạn bè
- Biết tham gia thảo luận trong nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết đặt câu hỏi và trả lời, biết nêu một vài đề xuất dựa trên các ý tưởng được trình bày trong quá trình thảo luận.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học
- Năng lực giao tiếp và hợp tác
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

b. Năng lực đặc thù:

- + Đọc – hiểu một đoạn trích truyện thơ
- + Nhận diện và hiểu được vẻ đẹp của hình tượng nhân vật lí tưởng theo quan niệm đạo đức mà Nguyễn Đình Chiểu đó khắc họa trong đoạn trích.
- + Cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng nhân vật lí tưởng theo quan niệm đạo đức của Nguyễn Đình Chiểu đó khắc họa trong đoạn trích.

3. Về phẩm chất:

- *Yêu nước*: Yêu gia đình, quê hương.
- *Nhân ái*: Yêu mọi người xung quanh.
- *Chăm chỉ*: Chịu khó học tập bộ môn.
- *Trách nhiệm*: Có thái độ đúng đắn trong cuộc sống trước những khó khăn hoạn nạn của người khác => Tình yêu thương & sự giúp đỡ mọi người.

II. Thiết bị dạy học và học liệu.

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.
- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

III. Tiến trình dạy học.

1. Hoạt động 1: Khởi động

- a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề
- b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.
- c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ
- d) Tổ chức hoạt động:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:****Cách 1:** Gv phát phiếu học tập cho hs(mỗi bàn là một nhóm):**Nhớ lại một vài tác phẩm mà em biết, liệt kê vào vở theo gợi ý trong bảng rồi thảo luận với bạn những câu hỏi bên dưới:**

Tên tác phẩm	Nhân vật hiền lành gặp may mắn, hạnh phúc	Nhân vật độc ác bị trừng trị thích đáng

*Hệ thống nhân vật này thể hiện quan niệm và ước mơ gì của nhân dân? Và chủ yếu ở thể loại nào?

*** Thực hiện nhiệm vụ: Hs thực hiện phiếu học tập***** Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (đại diện nhóm bàn).**Dự kiến sp:**

Tên tác phẩm	Nhân vật hiền lành gặp may mắn, hạnh phúc	Nhân vật độc ác bị trừng trị thích đáng
Tấm Cám	Tấm	Mẹ con Cám
Sọ Dừa	Mẹ Sọ Dừa, Sọ Dừa, cô con gái út (vợ Sọ Dừa)	Hai cô chị vợ Sọ Dừa
Thạch Sanh	Thạch Sanh	Mẹ con Lí Thông
Cây khế	Vợ chồng người em	Vợ chồng người anh

* Hệ thống nhân vật này thể hiện quan niệm và ước mơ về cuộc chiến giữa cái thiện với cái ác, cái thiện sẽ chiến thắng, người hiền gặp lành của nhân dân ta. Điều này được gửi gắm chủ yếu ở thể loại truyện cổ tích.

- Cách 2: HS xem clip chia sẻ

*** Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Ước mơ về xã hội công bằng, cái xấu cái ác bị trừng trị, người ở hiền thì sẽ gặp lành là ước mơ ngàn đời của nhân dân ta. Ước mơ ấy không chỉ được gửi gắm qua truyện cổ tích mà còn được cụ Đồ Chiểu gửi gắm trong truyện "Lục Vân Tiên", đặc biệt là ở đoạn trích "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga". Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu đoạn trích để thấy được điều này

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**a) Mục tiêu:**

- + Những hiểu biết bước đầu về tác giả NĐC và tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên .
- + Thể loại thơ lục bát truyền thống của dân tộc qua tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên
- + Những hiểu biết bước đầu về nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên.
- + Khát vọng cứu người, giúp đời của tác giả và phẩm chất của hai nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.

b) Nội dung hoạt động:

- Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản

- Đọc và tìm hiểu khái quát về văn bản
- Đọc và phân tích giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản.
- Tổng kết về văn bản

c) Sản phẩm học tập:

- Những nét khái quát về tác giả và văn bản.
- Những giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản.

d) Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.
- HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.
- GV quan sát, hỗ trợ HS.

* **Báo cáo kết quả:**

- HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).

* **Đánh giá nhận xét:**

- HS khác khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.
- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt				
<p>- GV h.dẫn đọc, đọc mẫu, gọi HS đọc: Giọng: rõ ràng, thể hiện tích cách nhân vật Gọi HS đọc chú thích (Sgk) Tìm hiểu chú thích: + Giáo viên hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích SGK. 3, 18, 20 - SGK</p> <p>+ HS trao đổi với bạn bên cạnh về những từ ngữ mình không hiểu hoặc hiểu chưa rõ ràng bằng cách dự đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh</p> <p>GV chiếu chân dung tác giả. - HS quan sát chân dung tác giả, hình ảnh sách... - HS đọc thông tin về tác giả, văn bản. - GV phát phiếu bài tập số 1, yêu cầu HS làm việc nhóm để điền thông tin vào phiếu bài tập. - <i>Sau khi HS thực hiện xong từng nhiệm vụ, GV nhận xét và chốt lại.</i></p> <p>Phiếu bài tập số 1:</p> <table border="1" data-bbox="151 2022 796 2107"> <tr> <td data-bbox="151 2022 646 2067">Văn bản :</td><td data-bbox="647 2022 796 2067"></td></tr> <tr> <td data-bbox="151 2069 646 2107">Tác giả</td><td data-bbox="647 2069 796 2107"></td></tr> </table>	Văn bản :		Tác giả		<p>I. Đọc văn bản</p> <p>1, Đọc 2, Từ khó</p> <p>3, Tác giả, tác phẩm</p> <p>a, Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - NĐC (1822 - 1888), quê Gia Định, con một viên quan nhỏ - C.đời nhiều đau khổ: sự nghiệp dang dở, bị mù lòa, bị tù hôn - Là người có nhân cách cao cả, nghị lực sống phi thường - Có lòng yêu nước, thương dân và căm thù giặc - Là nhà thơ lớn của dân tộc <p>b, Tác phẩm</p>
Văn bản :					
Tác giả					

Hoàn cảnh ra đời:		<p>- Hoàn cảnh sáng tác: Viết vào khoảng những năm 50 thế kỉ XIX (trước khi thực dân P xâm lược).</p> <p>- Kết cấu: Gồm 2082 câu, viết bằng chữ Nôm, theo kết cấu chương hồi. Gồm 4 phần :</p> <p>+ Lục Vân Tiên đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga</p> <p>+ Lục Vân Tiên gặp nạn</p> <p>+ Lục Vân Tiên gặp nạn được cứu.</p> <p>+ Lục Vân Tiên gặp Kiều Nguyệt Nga, sum vầy, hạnh phúc</p> <p>- Vị trí đoạn trích:</p> <p>+ Gồm 58 câu, nằm ở phần đầu của truyện.</p> <p>- Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp với m.tả và biểu cảm</p> <p>- Bố cục đoạn trích</p> <p>+ Đoạn 1: "...phi anh hùng" Nhân vật Lục Vân Tiên</p> <p>+ Đoạn 2: còn lại Nhân vật Kiều Nguyệt Nga</p>
Kết cấu tác phẩm		
Vị trí đoạn trích		
Phương thức biểu đạt		
Bố cục đoạn trích		

II, Khám phá văn bản

<p><i>? Qua phần tóm tắt truyện em hãy cho biết: LVT được giới thiệu là một nhân vật như thế nào ?</i></p> <p>+ Lục Vân Tiên là một nhân vật lí tưởng của tác phẩm: 1 chàng trai vừa rời trường học bước vào đời, tuổi vừa hai tám, lòng đầy hăm hở, muốn lập công danh, mong thi thố tài năng cứu đời, cứu người .</p> <p><i>? Trong đoạn trích, hình ảnh Lục Vân Tiên được khắc họa qua mô típ quen thuộc đó là gì?</i></p> <p>+ Một chàng trai tài giỏi cứu một cô gái thoát khỏi tình huống hiểm nghèo, từ ân nghĩa đến tình yêu.</p> <p><i>? Em đó gặp nhân vật nào trong truyện dân gian giống mô típ đó?</i></p> <p>+ Thạch Sanh đánh đại bàng cứu công chúa Quỳnh Nga</p> <p><i>? Mô típ quen thuộc đó biểu hiện ước mơ gì của nhân dân ta?</i></p> <p>+ Mong ước của tác giả, của nhân dân trong xã hội hỗn loạn có người tài đức ra tay cứu giúp dân lành.</p>	<p>1. Nhân vật Lục Vân Tiên</p>								
<p><i>? Phẩm chất của Lục Vân Tiên được biểu hiện qua 2 tình huống: Lục Vân Tiên đánh cướp và cứu KNN</i></p> <p>Thảo luận nhóm</p> <p>Nhóm 1+ 2: <i>Lục Vân Tiên đánh cướp</i></p> <table><tr><td><i>Hoàn cảnh</i></td><td><i>Lời nói</i></td><td><i>Hành động</i></td><td><i>Kết quả</i></td></tr><tr><td>.....</td><td>.....</td><td>.....</td><td>.....</td></tr></table> <p><i>->Lục Vân Tiên là người như thế nào?</i></p>	<i>Hoàn cảnh</i>	<i>Lời nói</i>	<i>Hành động</i>	<i>Kết quả</i>					
<i>Hoàn cảnh</i>	<i>Lời nói</i>	<i>Hành động</i>	<i>Kết quả</i>						
.....									

Nhóm 2+ 3: Lục Vân Tiên gặp Kiều Nguyệt Nga		
Lời nói	Cách cư xử	Quan niệm
.....		
->Lục Vân Tiên là người như thế nào?		
Đại diện nhóm trả lời, nhận xét, chốt bảng.		
HD cá nhân: Xây dựng nhân vật LVT, NĐC muốn gửi gắm điều gì? - Lục Vân Tiên chính là hình ảnh đẹp, lí tưởng mà NĐC gửi gắm niềm tin, ước mong của mình		
* Giáo viên: “Nhớ câu kiến ngãi bất vi Làm người như thế cũng phi anh hùng” Đó cũng là quan niệm: “ Anh hùng tiếng gọi đó rằng Giữa đường dầu thấy bất bằng mà tha” đều xuất phát từ câu nói của Mạnh Tử “ Kiến ngãi bất vi vô dũng dã” (Thấy việc nghĩa không làm không phải người anh hùng). Đó là lí tưởng sống của người anh hùng thời phong kiến. Với hình ảnh Lục Vân Tiên, Nguyễn Đình Chiểu đã gửi gắm niềm tin và khát vọng của mình về người anh hùng vì dân dẹp loạn.		
* Lục Vân Tiên đánh cướp: - Hoàn cảnh : + Chỉ có một mình + Trong tay không có vũ khí - Lời nói : bớ đảng -> tuyên chiến - H.động : bẻ cây làm gậy, tả đột hữu xung -> khẩn trương, ko chút do dự, tính toán - Kết quả : đánh tan bọn cướp => Lục Vân Tiên rất dũng cảm, trọng việc nghĩa * Lục Vân Tiên gặp Kiều Nguyệt Nga - Lời nói: hỏi han, an ủi: “Ai than khóc ở... - Cách cư xử: chân thành, ngay thẳng, có lễ giáo “ Khoan khoan ngồi đó.....” - Quan niệm: + Làm ơn há + Nhớ câu kiến nghĩa bất vi... ->Khước từ mọi đền đáp -> hào hiệp, lí tưởng sống cao thượng => Lục Vân Tiên là người chính trực, hào hiệp, từ tâm nhân hậu, làm việc nghĩa không cần trả ơn		

(Tiết 2)

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>? Đọc những câu thơ dẫn lời Kiều Nguyệt Nga? ? <i>Qua lời giới thiệu, cách nói năng, trình bày của Kiều Nguyệt Nga cho em hiểu điều gì về nàng?</i> + Là cô gái khuê các, thùy mị, nết na, có học thức, có giáo dục.</p>	<p>2. Nhân vật Kiều Nguyệt Nga</p>
<p>? <i>Em có nhận xét gì về cách xưng hô của Kiều Nguyệt Nga với Lục Vân Tiên?</i> ? Theo dõi đoạn: " Lâm nguy chẳng kịp giải nguy Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi Hà Khê qua đó cũng gần Xin theo...đền ơn cho chàng..."</p>	<p>+ Xưng hô khiêm nhường: “ quân tử, tiện thiếp-> nói năng văn vẻ, dịu dàng, mực thước</p>

<p><i>Em thấy đặc điểm nào trong tình cảm của Kiều Nguyệt Nga tiếp tục được bộc lộ?</i></p> <p>* Giáo viên: K.N.N rất cảm kích trước ơn cứu mạng của L.V.T. Bởi vì, không chỉ cứu mạng mà còn cứu cả cuộc đời trong trắng của nàng (đối với người con gái, điều đó còn quý hơn cả tính mạng). Dù biết rằng đền đáp mấy cũng không đủ, nàng quyết định gấn bó cuộc đời với Lục Vân Tiên. Nàng đã thủy chung, son sắc, dám liều mình để giữ trọn ân tình với L.V.T: Bị ép duyên, đi cống giặc Ô Qua nàng đã ôm bức hình L.V.T nhảy sông tự tử => Mỗi tình thủy chung của nàng đã được đền đáp. Vẻ đẹp tinh thần của K.N.N tạo thành bức chân dung tuyệt đẹp về người phụ nữ, chinh phục được niềm yêu mến của n.dân: Kế thừa & phát huy nét đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam, nêu ước mơ phá vỡ những khuôn khổ chật hẹp, gò bó của lễ giáo p.kiến: Tình yêu tự do.</p>	<p>- Cách cư xử: cảm kích, áy náy, băn khoăn, tìm cách trả ơn-> sống ân nghĩa, trọng tình cảm, một lòng tri ân người đã cứu mình.</p>
<p>HD cá nhân - KT trình bày 1 phút:</p> <p>* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?</p>	<p>III. Tổng kết:</p> <p>1. Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ đối thoại mộc mạc, bình dị, giàu màu sắc Nam Bộ - Khắc họa nhân vật qua đối thoại và hành động <p>2. Nội dung: Đoạn trích ca ngợi phẩm chất cao đẹp của hai nhân vật và khát vọng hành đạo cứu đời của tác giả .</p> <p><i>*Ghi nhớ (SGK)</i></p>

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động:

- HS luyện đọc kỹ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kỹ năng đọc hiểu văn bản.

c) Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV phát phiếu bài tập.

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

* **Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kỳ cá nhân nào trình bày kết quả.

* **Kết luận, đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<i>GV yêu cầu HS làm phiếu học tập</i>	Câu 1: Khi gặp cướp Vân Tiên rất bất bình nên

<p>sau:</p> <p>Phiếu học tập số 4</p> <p>Đọc đoạn thơ sau: “ Vân Tiên ghé lại bên đàng.</p> <p>.....</p> <p>Bị tiên một gậy thác rày thân vong.</p> <p>Câu 1: Khi gặp cướp Vân Tiên có thái độ và hành động gì?</p> <p>Câu 2: Tương quan về lực lượng giữa hai bên như thế nào?</p> <p>Câu 3: Giải thích thành ngữ “ tả đột hữu xông”</p> <p>Câu 4: Nhận xét về khí thế của Vân Tiên trong trận đánh?</p> <p>Sau khi HS thực hiện xong nhiệm vụ, GV nhận xét và chốt lại.</p>	<p>chàng liền “ Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô”. Chàng cảnh báo, ngăn chặn hành động côn đồ của chúng: “ Bớ đảng hung đồ/ Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân.”</p> <p>Câu 2: Tương quan về lực lượng giữa hai bên :</p> <p>-Đảng cướp đông đúc, tướng cướp hung hãn, quân chúng “ bốn phía phủ vây bịt bùng”, có gươm giáo.</p> <p>-Lực Vân Tiên thì chỉ có một mình, tay không tác sát, vũ khí là cây gậy bẻ vội bên đàng.</p> <p>Câu 3: “ tả đột hữu xông”: đánh vào bên trái, xông thẳng bên phải, ý nói thế chủ động tung hoành khi lâm trận.</p> <p>Câu 4: Khí thế của Vân Tiên trong trận đánh: mạnh mẽ, hào hùng, dũng cảm.. Biểu hiện:</p> <p>- Thành ngữ Hán Việt: “ tả đột hữu xông” đầy giá trị tạo hình, tái hiện hình ảnh Lục Vân Tiên xông pha dũng mãnh giữa vòng vây của bon cướp.</p> <p>- Phép so sánh “ Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Đàng.”- Vân Tiên được đặt ngang hàng với một trong những chiến binh tài năng nhất thời Tam Quốc.</p> <p>- Chàng đã khiến tướng cướp không kịp trở tay, bỏ mạng trong tức khắc, đám lâu la thì bốn phía tan tác tháo chạy.</p>
--	---

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Đoạn văn.

d) Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ học tập:** chia sẻ bài học học em nhận được qua hai câu thơ sau bằng một đoạn văn:

Nhớ câu kiến ngãi bất vi

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

* **Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu

Định hướng cho HS nội dung bài học; tạo được hứng thú; kết nối với kiến thức nền của HS.

2. Nội dung hoạt động

HS vận dụng kiến thức nền để chơi trò chơi.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV tổ chức cho HS chơi trò chơi nhìn hình đoán chữ: GV cung cấp thông tin, hình ảnh, yêu cầu HS suy luận để tìm từ ngữ tương ứng. Gợi ý chủ đề: tên một số tác phẩm văn học Việt Nam; tên một số tỉnh thành ở nước ta,...	HS chơi trò chơi.	Từ ngữ HS tìm được.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

- HS hiểu biết sơ giản về quá trình hình thành, phát triển và vai trò của chữ quốc ngữ trong đời sống văn hoá, kinh tế, xã hội của đất nước.

- HS biết vận dụng những hiểu biết về chữ quốc ngữ vào việc khắc phục lỗi chính tả.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc SGK, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để tìm hiểu về chữ quốc ngữ.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV hướng dẫn HS đọc và tóm tắt nội dung về chữ quốc ngữ trong phần <i>Trình thức ngữ văn</i> (tr. 65) và khung <i>Sơ giản về chữ quốc ngữ</i> trong SGK (tr. 74 - 75). Lưu ý các nội dung: + Thời điểm hình thành, các mốc thời gian quan trọng trong quá trình phát triển của chữ quốc ngữ. + Những người có đóng góp quan trọng trong việc hoàn thiện, phổ biến chữ quốc ngữ. + Đặc điểm của chữ quốc ngữ.	HS đọc SGK, làm việc cặp đôi, tóm tắt nội dung, trình bày, góp ý.	1. Sơ giản về chữ quốc ngữ 1. Quá trình hình thành - Chữ quốc ngữ là chữ viết dùng chữ cái La-tinh để ghi âm tiếng Việt. - Chữ quốc ngữ được hình thành từ đầu thế kỉ XVII, gắn với quá trình truyền đạo Công giáo tại Việt Nam. Sang thế kỉ XX, chữ quốc ngữ được sử dụng phổ biến, thay thế dần cho chữ Hán, chữ Nôm. Từ năm 1945, chữ quốc ngữ có vị thế văn tự chính thức của quốc gia. - Những người có công lớn trong việc sáng tạo, hoàn thiện, truyền bá chữ quốc ngữ là giáo sĩ Phran-xít-xcô đờ Pi-na, giáo sĩ A-léch-xăng đờ Rốt, Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của,... 2. Đặc điểm Chữ và âm, cách đọc và cách viết chữ quốc ngữ có sự thống nhất. Bởi thế, chỉ cần học thuộc bảng chữ cái, nắm được nguyên tắc ghép vần là có thể đọc được tất cả các chữ trong tiếng Việt.

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu

HS củng cố kiến thức về chữ quốc ngữ.

2. Nội dung hoạt động

HS thực hiện các bài tập trong SGK.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện bài tập 1 trong SGK, tr. 74. - GV yêu cầu HS làm việc nhóm để thực hiện bài tập 2 trong SGK, tr. 74. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện bài tập 1; trình bày, góp ý. - HS trình bày, góp ý. 	<p>II. Luyện tập</p> <p>1. Bài tập 1</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Một số điểm mốc quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của chữ quốc ngữ. - Thế kỉ XVII: chữ quốc ngữ được hình thành. - Từ cuối thế kỉ XVIII: chữ quốc ngữ được chỉnh lí, ngày càng hoàn thiện hơn. - Cuối thế kỉ XIX: chữ quốc ngữ dần phổ biến ở Nam Kỳ. <p>Năm 1865: xuất hiện tờ báo đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ. Năm 1878: thống đốc Nam Kỳ kí Nghị định quy định bắt đầu từ năm 1882, tất cả các VB hành chính lưu hành ở khu vực này đều phải dùng chữ quốc ngữ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thế kỉ XX: Năm 1918, vua Khải Định bãi bỏ khoa thi Hán học. Từ đó, chữ quốc ngữ được sử dụng phổ biến trên phạm vi cả nước, dần thay thế chữ Hán và chữ Nôm. Từ năm 1945, chữ quốc ngữ có vị thế văn tự chính thức của quốc gia. b. Điểm giống nhau và khác nhau giữa chữ quốc ngữ và chữ Nôm: - Giống nhau: đều là văn tự ghi âm tiếng Việt. - Khác nhau: chữ Nôm dựa theo kí hiệu văn tự Hán, chữ viết và âm đọc khác nhau; chữ quốc ngữ dùng chữ cái Latinh để ghi âm tiếng Việt, chữ viết và cách đọc có sự tương ứng. <p>2. Bài tập 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác động tích cực: Chữ quốc ngữ là cơ sở tạo sự thống nhất chữ viết trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam; chữ quốc ngữ giúp cho việc viết và đọc tiếng Việt trở nên dễ dàng hơn, góp phần phát triển đời sống văn hoá, kinh tế, xã hội của đất nước. - Tác động tiêu cực: Chữ quốc ngữ thay thế hoàn toàn chữ Hán, chữ Nôm khiến người đọc hiện đại khó tiếp cận trực tiếp di sản văn hoá thời trung đại.

<p>- GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi để thực hiện bài tập 3 trong SGK, tr. 75.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm để thực hiện bài tập 4 trong SGK, tr. 75.</p>	<p>- HS thực hiện bài tập 3; trao đổi, góp ý.</p> <p>- HS thực hiện bài tập 4 theo nhóm; trình bày, thảo luận, góp ý.</p>	<p>3. Bài tập 3</p> <p>- Âm /Y/ được ghi bằng <i>g</i> hoặc <i>gh</i>. Ví dụ: <i>con gà, cái ghế</i>,...</p> <p>- Âm /z/ được ghi bằng <i>d</i> hoặc <i>gi</i>. Ví dụ: <i>dòng nước, con gió</i>,...</p> <p>- Âm /q/ được ghi bằng <i>ng</i> hoặc <i>ngh</i>. Ví dụ: <i>ngôi sao, ngông nghênh</i>,...</p> <p>4. Bài tập 4</p> <p>- Lỗi do không phân biệt được một âm được ghi bằng các chữ khác nhau. Ví dụ: <i>da</i> (làn da) - <i>gia</i> (gia vị, gia đình), <i>dấu</i> (dấu ấn) - <i>giấu</i> (cất giấu),...</p> <p>- Lỗi do phát âm địa phương không chính xác. Ví dụ: <i>rời</i> (rời bỏ) - <i>dời</i> (dời đi), <i>gieo</i> (gieo trồng) - <i>reo</i> (reo vui), <i>sông</i> (dòng sông) - <i>xông</i> (xông hơi), <i>trống</i> (cái trống) - <i>chống</i> (chèo chống), <i>no</i> (ăn no) - <i>lo</i> (lo âu),...</p> <p>- Lỗi do không nắm được quy tắc viết chính tả tiếng Việt. Ví dụ: <i>cái cео, bắp nghо, gе ghóm</i>,...</p> <p>- Lỗi do không cẩn thận khi viết: viết sai dấu, nhầm lẫn từ ngữ,...</p>
--	---	---

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức về chữ quốc ngữ để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động

HS tìm hiểu cách khắc phục một số lỗi chính tả thường mắc phải.

3. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS tìm hiểu các loại lỗi chính tả và cách khắc phục.	HS tìm hiểu, liệt kê. (thực hiện ở nhà)	Bảng liệt kê một số loại lỗi chính tả và cách sửa.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết...: VĂN BẢN 3
TỰ TÌNH
(Bài 2)
HỒ XUÂN HƯƠNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Cảm nhận được tâm trạng vừa buồn tủi, vừa phẫn uất trước tình cảnh éo le và khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của Hồ Xuân Hương.
- Thấy được tài năng thơ Nôm Hồ Xuân Hương.

2. Năng lực

- Đọc hiểu thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại.
- Phân tích bình giảng bài thơ.
- Rèn kĩ năng đọc diễn cảm và phân tích tâm trạng nhân vật trữ tình.

3. Phẩm chất:

- Trân trọng, cảm thông với thân phận và khát vọng của người phụ nữ trong xã hội xưa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SGV Ngữ văn 9 bộ KNTT với cuộc sống, Giáo án.

2. Học sinh

- Chủ động tìm hiểu bài học theo định hướng câu hỏi sgk và định hướng của gv.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Khởi động

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- **GV:** Em hãy kể tên 03 văn bản mà em biết có viết về hình ảnh người phụ nữ? Nêu cảm nhận của em về hình ảnh của họ.
- **HS:** Tiếp nhận nhiệm vụ

B2: Trao đổi, thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, làm việc cá nhân
- GV hướng dẫn, gợi ý (nếu cần)

B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- HS báo cáo kết quả cá nhân
- GV: (gợi ý kết quả: *Truyện Kiều*, Bài ca dao *Thân em...*, *Chinh phụ ngâm*,... Họ đều là những người phụ nữ đẹp về ngoại hình và phẩm chất nhưng số phận bất hạnh.)

B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét câu trả lời của HS và dẫn vào bài mới: Trong XHPK những người phụ nữ ta cùng tìm hiểu bài “Tự tình” (Bài 2) của tác giả Hồ Xuân Hương.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn đọc, tìm hiểu chú thích	I. Đọc văn bản 1. Hướng dẫn đọc 2. Tìm hiểu chú thích

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc văn bản
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS đọc đúng, thể hiện được giọng điệu vừa xót xa, thiết tha vừa gai góc, thách thức (hai câu cuối).
- HS đọc văn bản

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV mời 1 – 2 HS đọc văn bản

Bước 4: Đánh giá kết quả

- GV nhận xét phần đọc của HS, kết nối giải thích từ khó

- *Bom:*
- *Cốc*
- *Om*
- *Mỡm mòm*

Nhiệm vụ 2: Tác giả, tác phẩm**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm theo PHT số 1
- Thời gian làm việc là 3 phút

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Tác giả (Hồ Xuân Hương)	Tác phẩm (Tự tình (Bài 2))
- Tiểu sử:	- Xuất xứ:
- Các tác phẩm tiêu biểu:	- Thể thơ: - Bố cụ :
- Phong cách sáng tác:	- Đề tài: - Chủ đề:
=> Nhận xét:	=> Nhận xét:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc thông tin và trình bày.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).
- Thời gian báo cáo là 1 phút. 2 phút trao đổi.

3. Tác giả, tác phẩm**a. Tác giả**

- Hồ Xuân Hương là thiên tài kì nữ nhưng cuộc đời gặp nhiều bất hạnh.
- Thơ Hồ Xuân hương là thơ của phụ nữ viết về phụ nữ, trào phúng mà trữ tình, đậm chất dân gian từ đề tài, cảm hứng ngôn từ và hình tượng.
- Sáng tác cả chữ Hán và chữ Nôm nhưng thành công ở chữ Nôm.
- được mệnh danh là “bà chúa thơ Nôm”.

b. Tác phẩm

- Bài thơ “Tự tình” nằm trong chùm thơ tự tình gồm 3 bài của Hồ Xuân Hương.
- Thể thơ: thất ngôn bát cú Đường luật
- Bố cục: 4 phần: Đề, thực, luận, kết
- Đề tài: Người phụ nữ
- Chủ đề: số phận người phụ nữ.

Bước 4: Đánh giá kết quả - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. - Gợi ý cách chia khác: + 6 câu thơ đầu: tâm trạng đau xót, phần uất cho tình cảnh trái ngang, duyên phận lỡ làng. + 2 câu thơ cuối: niềm khát khao hạnh phúc, ý thức vươn lên, không khuất phục số phận.																	
Hoạt động 3: Khám phá văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành các nhóm. + Đánh số bàn theo thứ tự 1,2,3,4 từ trên xuống, theo các dãy bàn. Bàn số 1,2,3,4 lần lượt thực hiện theo bố cục văn bản đề, thực luận, kết. Thời gian làm việc của nhóm bàn là 5 phút. + Sau khi hết 5 phút, 4 bàn theo thứ tự 1,2,3,4 của mỗi dãy gộp lại thành nhóm lớn lần lượt trao đổi về kết quả của nhóm mình để hoàn thiện cả bài thơ. Trao đổi nhóm lớn là 5 phút. - HS thực hiện Phiếu học tập số 2 <table border="1" data-bbox="153 1178 724 2074"> <tr> <td data-bbox="153 1178 304 1424">1. Hai câu đề</td><td data-bbox="304 1178 724 1424"> - Thời gian: - Âm thanh: - Tâm trạng: - Hành động: - Nghệ thuật: </td></tr> <tr> <td colspan="2" data-bbox="153 1424 724 1480">Nhận xét:</td></tr> <tr> <td data-bbox="153 1480 304 1626">2. Hai câu thực</td><td data-bbox="304 1480 724 1626">- BPTT:</td></tr> <tr> <td colspan="2" data-bbox="153 1626 724 1682">Nhận xét:</td></tr> <tr> <td data-bbox="153 1682 304 1827">3. Hai câu luận</td><td data-bbox="304 1682 724 1827"> - Tâm trạng: - Căn nguyên: - Từ láy </td></tr> <tr> <td colspan="2" data-bbox="153 1827 724 1883">Nhận xét:</td></tr> <tr> <td data-bbox="153 1883 304 2029">4. Hai câu kết</td><td data-bbox="304 1883 724 2029"> - Đối tượng hướng tới: - “Thân này đâu đã chịu già tom”: </td></tr> <tr> <td colspan="2" data-bbox="153 2029 724 2074">Nhận xét:</td></tr> </table>	1. Hai câu đề	- Thời gian: - Âm thanh: - Tâm trạng: - Hành động: - Nghệ thuật:	Nhận xét:		2. Hai câu thực	- BPTT:	Nhận xét:		3. Hai câu luận	- Tâm trạng: - Căn nguyên: - Từ láy	Nhận xét:		4. Hai câu kết	- Đối tượng hướng tới: - “Thân này đâu đã chịu già tom”:	Nhận xét:		II. Khám phá văn bản 1. Hai câu đề <i>“Tiếng gà vắng vắng gáy trên bom, Oán hận trông ra khắp mọi chòm”</i> - Thời gian: rạng sáng - Âm thanh: tiếng gà gáy <i>vắng vắng</i> -> Không gian yên tĩnh, vắng vẻ, cô đơn - Tâm trạng: oán hận - Hành động: trông ra -> Chứa nỗi niềm suy tư -> Nghệ thuật lấy động tả tĩnh góp phần gợi không gian vắng vẻ, trống trải, tĩnh lặng với bước đi dồn dập của thời gian → Tâm trạng đau xót, u uất, oán hận bao trùm lên khắp cảnh vật. 2. Hai câu thực <i>“Mồ thảm không khua mà cũng cóc Chuông sầu không đánh có sao om?”</i> - Nhân hoá: <i>Mồ thảm; chuông sầu</i> - Câu hỏi tu từ: có sao... → những âm thanh cũng chứa tâm sự, cảm xúc ai oán, thê lương. Âm thanh vang vọng từ không gian bên ngoài cũng chính là tiếng lòng tê tái, não nề của con người. 3. Hai câu luận <i>Trước nghe những tiếng thêm rầu rĩ Sau giận vì duyên để mồm mòm</i> - Tâm trạng: rầu rĩ, căm giận - Căn nguyên: vì duyên để mồm mòm - Từ láy: <i>rầu rĩ, mồm mòm</i> → Tâm trạng oán hận vì số phận hẩm hiu, duyên tình lỡ làng, tuổi trẻ phai tàn. → <i>Sáu câu thơ đầu khắc họa tâm trạng</i>
1. Hai câu đề	- Thời gian: - Âm thanh: - Tâm trạng: - Hành động: - Nghệ thuật:																
Nhận xét:																	
2. Hai câu thực	- BPTT:																
Nhận xét:																	
3. Hai câu luận	- Tâm trạng: - Căn nguyên: - Từ láy																
Nhận xét:																	
4. Hai câu kết	- Đối tượng hướng tới: - “Thân này đâu đã chịu già tom”:																
Nhận xét:																	

Câu hỏi đi kèm PHT**1. Hai câu đề**

- Tìm những từ chỉ thời gian, âm thanh và tâm trạng, hành động của nhân vật trữ tình trong 2 câu thơ đầu?
- Xác định nghệ thuật được sử dụng trong 2 câu đề?
- Qua đó em có nhận xét gì về tâm trạng, hoàn cảnh của nvtt?

2. Hai câu thực

- Chỉ ra bptt được sử dụng trong 2 câu thực và nêu tác dụng của bptt đó?

3. Hai câu luận

- Xác định từ ngữ chỉ tâm trạng của NVTT.
- Nguyên nhân vì sao lại có tâm trạng đó?
- Chỉ ra từ láy có trong 2 câu thơ.
- Nhận xét tâm trạng của NVTT.

4. Hai câu kết

- Đối tượng mà nvtt hướng tới là ai?
- Cảm nhận của em về câu thơ cuối bài.
- Nhận xét về con người, tính cách của nvtt qua 2 câu kết.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu. Gv hỗ trợ nếu cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- Lần lượt các nhóm báo cáo kết quả (mỗi nhóm có 1 phút báo cáo và 2 phút trao đổi)
- Các hs khác lắng nghe, góp ý.

Bước 4: Đánh giá kết quả

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức sau từng phần.

*** Tổng kết.**

Rút ra nội dung ý nghĩa của bài thơ của bài thơ.

Nêu đặc sắc nghệ thuật của bài thơ?

(Hs trả lời gv nhận xét chốt ý)

cô đơn, sầu tủi, căm giận của người phụ nữ khi duyên phận lỡ làng. Qua đó, Hồ Xuân Hương thể hiện sự thấu hiểu, đồng cảm với thân phận của người phụ nữ.

4. Hai câu kết

Tài tử văn nhân ai đó tá

Thân này đâu đã chịu già tom.

- Nữ sĩ hướng đến “tài tử văn nhân” là hướng đến những gì tốt đẹp của chính tâm hồn nữ sĩ.

- “*Thân này đâu đã chịu già tom*” → Câu thơ là một nụ cười trẻ trung, tinh nghịch, thách đố lại với định mệnh oan nghiệt.

-> **Hai câu thơ khẳng định bản lĩnh và khao khát mãnh liệt của người phụ nữ**

→ Qua việc khẳng định bản lĩnh và khát khao hạnh phúc, HXH bộc lộ thái độ trân trọng, ngợi ca bản lĩnh, ý thức về quyền sống và khát vọng hạnh phúc của người phụ nữ trong XHPK xưa.

*** Tổng kết**

- Nội dung : Qua bài thơ ta thấy được bản lĩnh HXH được thể hiện qua tâm trạng đầy bi kịch: vừa buồn tủi vừa phẫn uất trước tình cảnh éo le, vừa cháy bỏng khao khát được hạnh phúc.

- Nghệ thuật : Sử dụng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn, tả cảnh sinh động đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ.

Hoạt động 3. Luyện tập

GV cho HS chơi trò chơi “Phản ứng nhanh” bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1. Phương án nào dưới đây nêu đúng thể loại và chữ viết của bài thơ *Tự tình*?

A. Thất ngôn xen lục ngôn, chữ Nôm

B. Thất ngôn bát cú Đường luật, chữ Nôm

C. Thất ngôn bát cú Đường luật, chữ Hán

D. Thất ngôn bát cú Đường luật, chữ quốc ngữ

2. Duyên phận lỡ làng, tình cảnh trở trêu của người phụ nữ trong bài thơ được thể hiện qua câu thơ nào?

A. *Oán hận trông ra khắp mọi chòm* B. *Chuông sầu chắng đánh có sao om?*

C. Sau giận vì duyên để mồm mòm

D. *Thân này đâu đã chịu già tom*

3. Trạng thái cảm xúc nào của con người KHÔNG được thể hiện trong bài thơ?

A. Đau đớn, xót xa

B. Buồn bã, phần uất

C. Khát khao, hi vọng

D. Bế tắc, tuyệt vọng

4. Biện pháp tu từ nhân hoá được sử dụng trong hai câu thơ “*Mỡ thấm không khuà mà cũng cóc,/ Chuông sầu chắng đánh có sao om?*” có tác dụng gì?

A. Nhấn mạnh sự tương phản giữa cảnh vật thiên nhiên và nỗi lòng của con người

B. Tâm trạng hoá thiên nhiên, khiến âm thanh ngoại cảnh trở thành tiếng lòng của con người

C. Mô phỏng âm thanh tự nhiên, làm nổi bật sự mênh mông, tĩnh lặng của cảnh vật

D. Gọi liên tưởng đến số phận éo le, trắc trở, tình duyên lận đận của người phụ nữ

5. Nhận xét sau về chủ đề bài thơ là đúng hay sai? “*Tự tình* phản ánh số phận bi kịch của người phụ nữ trong xã hội phong kiến, đồng thời thể hiện khát vọng tình yêu, hạnh phúc tha thiết, mãnh liệt”.

A. Đúng

B. Sai

* **Củng cố, hướng dẫn về nhà**

- Học thuộc bài thơ.

- GV yêu cầu HS tìm và giới thiệu ngắn gọn một tác phẩm văn học viết bằng chữ Nôm viết về thân phận người phụ nữ (làm ở nhà).

- Học bài cũ, soạn bài mới

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT (TRONG ĐỜI SỐNG CỦA HỌC SINH HIỆN NAY)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận (một vấn đề cần giải quyết trong đời sống HS hiện nay)
- Trình bày được ý kiến cần bàn luận về vấn đề với hệ thống luận điểm chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục, bằng chứng tiêu biểu và xác thực.
- Nêu ý kiến trái chiều và phản bác bằng lí lẽ sắc bén
- Đề xuất được giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề.

2. Năng lực:

- HS hiểu được cách thức tạo lập VB nghị luận XH
- Triển khai được hệ thống luận điểm chặt chẽ, sử dụng lí lẽ thuyết phục, bằng chứng tiêu biểu và xác thực từ đời sống để làm sáng tỏ ý kiến

3. Phẩm chất:

- Quan tâm đến những vấn đề thiết thực đối với đời sống của mình và những người xung quanh.
- Tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập
- Các phương tiện kỹ thuật;

2. Chuẩn bị của HS:

Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV cho HS quan sát một số hình ảnh hoặc xem một video clip minh họa về những vấn đề mà HS thường gặp (ví dụ: xung đột giữa con cái và cha mẹ, bạo lực học đường, nghiện trò chơi điện tử, thiếu tập trung trong giờ học, thiếu kĩ năng sống,...).
- GV hỏi: Trong số các vấn đề đã được chia sẻ, những vấn đề nào liên quan trực tiếp đến lứa tuổi học sinh?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS chia sẻ và trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi một số đại diện trình bày.
- Vấn đề thời sự HS quan tâm.
- Vấn đề thời sự liên quan đến đời sống của lứa tuổi học sinh.
- Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, chuyển bài mới:

GV nhận xét, dẫn dắt vào nội dung tiết học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1: Phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được các yêu cầu của kiểu bài NL về một vấn đề cần giải quyết trong đời sống HS. Có ý thức triển khai đúng khi thực hành
- HS nhận biết được chủ đề của bài viết tham khảo, xác định được các luận điểm triển khai trong bài viết, tóm lược được các ND luận điểm
- Rút ra được dàn ý chung của kiểu bài

b. Tổ chức thực hiện:

HD CỦA GV&HS	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS dựa trên PHT đã giao</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS chia sẻ kết quả PHT với bạn Thống nhất các yêu cầu</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số đại diện trình bày. GV nêu ra một số câu hỏi để kiểm tra nhận thức của HS</p> <p>Bước 4: GV Kết luận, chốt vấn đề</p> <p>Hoạt động 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo ở nhà và thực hiện PHT số 1 - GV cho HS hoạt động theo nhóm. với các yêu cầu cơ bản + Bài viết này có bố cục mấy phần? Nêu nội dung từng phần?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tham khảo và thực hiện các yêu cầu, hoàn</p>	<p>I TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA KIỂU BÀI VĂN NL VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT (TRONG ĐỜI SỐNG HỌC SINH HIỆN NAY)</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu được vấn đề nghị luận (một vấn đề cần giải quyết trong đời sống của học sinh hiện nay). – Trình bày được ý kiến bàn luận về vấn đề với hệ thống luận điểm chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục, bằng chứng tiêu biểu và xác thực. – Nêu được ý kiến trái chiều và phản bác bằng lí lẽ sắc bén. – Đề xuất được giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề. <p>II. PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO Văn bản: Trưởng thành qua nỗi buồn</p> <p>-Nội dung của bài viết tham khảo: Cách đối diện với nỗi buồn và cách vượt qua nỗi buồn để trưởng thành</p> <p>- Bố cục của bài văn tham khảo *Mở bài: Đoạn 1. <i>Từ đầu đến Đó là những câu hỏi mà chúng ta cần tự trả lời</i> => Giới thiệu vấn đề nghị luận * Thân bài - <i>Tiếp đến không bao giờ lần át hoặc hạ gục được chúng ta</i> => Bàn luận vấn đề - Luận điểm 1: Nỗi buồn thực sự tồn tại trong cuộc sống là một phần trong đời mà người ta phải chấp nhận và tin rằng nó sẽ tan đi . - Luận điểm 2: Cách trưởng thành qua nỗi buồn + Bỏ đối nỗi buồn bằng cách nuôi dưỡng những niềm vui</p>

<p>thành PHT</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV quan sát, hỗ trợ. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày. - HS khác nhận xét, bổ sung. <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét thái độ làm việc của HS. - Chuẩn kiến thức, đặt câu hỏi chốt kiến thức 	<p>nhỏ và hoàn thành công việc mỗi ngày.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tìm kiếm sự giúp đỡ khi cần thiết + Yêu thương, sự tự tin và tự hào về bản thân <p>*Kết bài: Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận về vấn đề</p>
---	--

<p>Hoạt động 2: Khái quát dàn ý chung:</p> <p>Sau khi phân tích bài viết tham khảo, giáo viên hướng dẫn học sinh khái quát dàn ý chung cho dạng bài.</p> <p>(HS bám theo gợi ý chung về cách viết trong sgk và bài viết tham khảo, làm việc cá nhân theo câu hỏi gợi dẫn của giáo viên)</p>	<p>2. Dàn ý chung</p> <p>* Mở bài: Giới thiệu vấn đề và nêu sự cần thiết bàn luận về vấn đề</p> <p>* Thân bài:</p> <p>Lần lượt triển khai các luận điểm thể hiện quan điểm của người viết xét trên từng khía cạnh của vấn đề</p> <ul style="list-style-type: none"> + Luận điểm 1(khía cạnh thứ nhất) Nêu lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ + Luận điểm 2(khía cạnh thứ nhất) Nêu lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ + Luận điểm 3(khía cạnh thứ nhất) Nêu lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ . Nêu các ý kiến trái chiều và phản bác ý kiến đó . Đề xuất giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề <p>* Kết bài: Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức và giải quyết có hiệu quả vấn đề.</p>
--	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập:Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao:
- Học sinh biết cách lựa chọn đề tài bàn luận
- HS xác định được những ý kiến cần triển khai để làm sáng tỏ đề tài đã chọn . - --
- Biết cách sắp xếp ý thành dàn ý, biết cáchs tổ chức hệ thống luận điểm để đạt hiệu quả tốt nhất cho bài văn nghị luận.
- HS phát huy được năng lực ngôn ngữ

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG GV&HS	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
<p>-Bước1: Giao nhiệm vụ</p> <p>GV cho HS chọn đề tài phù hợp với gợi ý SGK:</p>	<p>Các bước viết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn tác phẩm phân tích - Tìm ý và lập dàn ý. - Viết bài văn. - Chỉnh sửa bài văn. <p>a. Lựa chọn đối tượng</p>

<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lần lượt thực hiện các yêu cầu và các bước GV hướng dẫn. - Thực hiện PHT số 2 <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm. - HS khác nhận xét về dàn ý của bạn. - HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu. <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá và chốt dàn ý <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý để viết thành bài hoàn chỉnh. GV lưu ý HS cách viết:</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tình bạn khác giới ở lứa tuổi học trò - Cách giải quyết mâu thuẫn xung đột - Cách sử dụng thời gian rảnh rỗi - Cách giải quyết khi bị tổn thương sai lệch hay bình luận tiêu cực trên mạng xã hội - Cách giải quyết mâu thuẫn, xung đột giữa cha mẹ và con cái trong gia đình. <p>b. Tìm ý và lập dàn ý</p> <p>*Tìm ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề cần giải quyết là gì? - Ý kiến của em về vấn đề như thế nào? - Có thể xuất hiện những ý kiến nào trái ngược với quan điểm của người viết ? Cần dùng lí lẽ và bằng chứng nào để phản bác - Cần có những giải pháp nào để giải quyết vấn đề <p>Sắp xếp các ý theo trình tự cảm xúc thành một dàn ý gồm 3 phần:</p> <p>c. Lập dàn ý</p> <p>* Mở bài: Giới thiệu và nêu quan điểm về vấn đề giải quyết mâu thuẫn, xung đột giữa cha mẹ và con cái trong gia đình.</p> <p>* Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những mâu thuẫn, xung đột thường gặp giữa cha mẹ và con cái; - Cách giải quyết những mâu thuẫn, xung đột đó; - - Một số ý kiến trái chiều cần phản bác. <p>* Kết bài: Tầm quan trọng của việc nhận thức đúng về mâu thuẫn, xung đột giữa cha mẹ và con cái; ý nghĩa của việc giải quyết vấn đề..</p> <p>c. Bước 3: Viết</p> <p>Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ năng viết.</p> <p>Chú ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bài viết đủ 3 phần + Tạo sự gần gũi giữa người viết và người đọc ,coi vấn đề đặt ra trong bài viết là vấn đề chung mà cả người viết và người đọc đều cần phải quan tâm giải quyết + Hệ thống luận điểm chặt chẽ lí lẽ cần sáng rõ hợp lý, bằng chứng cần đầy đủ đa dạng (có sự kết hợp giữa trải nghiệm bản thân và sự thật mà người đọc có thể kiểm chứng, số liệu thống kê và ý kiến chuyên gia, kết quả nghiên cứu KH + Khi phản bác những ý kiến trái chiều cần sử dụng lí lẽ và giọng điệu đúng mực
--	---

<div><div>+ HS viết bài theo dàn ý đã lập.</div><div>+ GV quan sát</div><div>Bước 3: Báo cáo và thảo luận:</div><div>+ HS trình bày sản phẩm.</div><div>+ GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.</div><div>Bước 4: Đánh giá, kết luận:</div><div>GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn.</div></div>	<div><div>4. Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện</div><div>- Đọc kĩ bài viết của mình và đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở các bước để kiểm tra và chỉnh sửa theo Phiếu chỉnh sửa bài viết</div><div>- HS có thể trao đổi bài để trong bàn chấm và chữa cho nhau.</div><div>*Phiếu chỉnh sửa và hoàn thiện bài viết Nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống của HS hiện nay)</div></div> <table><tr><th colspan="2">Tiêu chí</th><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr><tr><td>MB</td><td>Giới thiệu vấn đề và nêu quan điểm về sự cần thiết về vấn đề cần giải quyết</td><td></td><td></td></tr><tr><td rowspan="5">TB</td><td>Triển khai các luận điểm</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Luận điểm 1: Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Luận điểm 2: Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Luận điểm 3: Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục</td><td></td><td></td></tr><tr><td>KB</td><td>Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức vấn đề</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Diễn đạt</td><td>Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp, không mắc lỗi diễn đạt</td><td></td><td></td></tr></table>	Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt	MB	Giới thiệu vấn đề và nêu quan điểm về sự cần thiết về vấn đề cần giải quyết			TB	Triển khai các luận điểm			Luận điểm 1: Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục			Luận điểm 2: Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục			Luận điểm 3: Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục			Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục			KB	Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức vấn đề			Diễn đạt	Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp, không mắc lỗi diễn đạt		
Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt																														
MB	Giới thiệu vấn đề và nêu quan điểm về sự cần thiết về vấn đề cần giải quyết																																
TB	Triển khai các luận điểm																																
	Luận điểm 1: Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục																																
	Luận điểm 2: Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục																																
	Luận điểm 3: Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục																																
	Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục																																
KB	Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức vấn đề																																
Diễn đạt	Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp, không mắc lỗi diễn đạt																																

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện:**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: Chọn đề tài : Tình bạn khác giới ở lứa tuổi học trò

+ HS thực hiện các bước và hoàn thành bài viết hoàn chỉnh

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm ở nhà

Bước 3: Báo cáo và thảo luận

- HS nộp SP lên trang Patdel

- GV chấm chữa cho HS

Bước 4: Đánh giá, nhận định***PHỤ LỤC:****PHT SỐ 1: PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO****: PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO**

MB	
TB	Luận điểm 1:
	Luận điểm 2
	Luận điểm 3:
KB	

PHT SỐ 2: TÌM Ý, LẬP DÀN Ý

Đề tài	Các ý triển khai		Dàn ý
		Mở bài	
		Thân bài	
		Kết bài	

BẢNG KIỂM

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
MB	Giới thiệu vấn đề và		

	nêu quan điểm về sự cần thiết về vấn đề cần giải quyết		
TB	Triển khai các luận điểm		
	Luận điểm 1: Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục		
	Luận điểm 2: Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục		
	Luận điểm 3: Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục		
	Sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục		
KB	Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức vấn đề		
Diễn đạt	Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp, không mắc lỗi diễn đạt		

***Phiếu chỉnh sửa và hoàn thiện bài viết Nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống của HS hiện nay)**

PHIẾU CHỈNH SỬA VÀ HOÀN THIỆN BÀI VIẾT

	PHIẾU CHỈNH SỬA VÀ HOÀN THIỆN BÀI VIẾT	
Phần	Chỗ chưa đạt	Sửa thành

Dặn dò
- Học bài cũ

- Chuẩn bị bài nói và nghe:

-

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÓ TÍNH THỜI SỰ TRONG ĐỜI SỐNG CỦA LỨA TUỔI HỌC SINH HIỆN NAY

1. Về năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.
- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù

- Biết thảo luận về một vấn đề có tính thời sự trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.
- Biết thể hiện được ý kiến riêng của bản thân đối với sự việc có tính chất thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh hiện nay.

2. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực đọc, tìm hiểu hiểu qua tài liệu, các phương tiện thông tin đại chúng... để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- Sách giáo khoa, Sách giáo viên
- Máy chiếu, máy tính, phiếu học tập.

2. Học liệu

- Một số hình ảnh liên quan đến nội dung bài học.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Chia lớp thành 2 nhóm và thực hiện nhiệm vụ: Mỗi nhóm có 5 lượt trình bày và không được trùng lặp với các ý kiến trước

- Câu hỏi: Chia sẻ về những vấn đề thời sự mà các em quan tâm hiện nay?

Sau khi HS thực hiện Gv sẽ có sự đánh giá, nhận xét.

GV hỏi: Trong số các vấn đề đã được chia sẻ, những vấn đề nào liên quan trực tiếp đến lứa tuổi học sinh?

- HS trả lời. GV dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Trước khi nói

a. Mục tiêu: HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Kiểm tra sự chuẩn bị bài nói của bạn- tập nói trong nhóm	I. Trước khi nói - Lựa chọn đề tài phù hợp (có tính thời sự, có ý nghĩa

<p>(HĐ cặp đôi)</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Trong thời gian 5 phút, các em làm việc cặp đôi thực hiện nhiệm vụ học tập sau vào phiếu học tập.</p> <p>GV: Chiếu yêu cầu</p> <p>Nhiệm vụ 1: Kiểm tra chéo phần chuẩn bị nội dung bài nói. (HS đã chuẩn bị theo phiếu học tập số 1 đã phát ở tiết học trước)</p> <p>Nhiệm vụ 2: Luyện nói cho bạn nghe 1 đoạn, nhận xét, bổ sung (nếu cần).</p> <p>Bước 2: HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Bước 3: HS báo cáo kết quả: nhận xét về sự chuẩn bị bài nói của bạn cùng cặp</p> <p>- Luyện nói của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá nhận xét GV đánh giá, nhận xét sự chuẩn bị cho bài nói của HS</p>	<p>thiết thực, liên quan đến đời sống của lứa tuổi học sinh:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bạo lực học đường. + Tình trạng nghiện game + Gian lận trong thi cử + Sự xung đột giữa các thế hệ trong gia đình. + “Ném đá” tập thể trên mạng xã hội. + Sử dụng ngôn ngữ dung tục trong giao tiếp với bạn bè. + Việc chấp hành giao thông đường bộ ở học sinh hiện nay. <p>- Lập dàn ý cho bài nói:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sau khi chọn được đề tài phù hợp, em hãy lập dàn ý cho bài nói với đầy đủ các phần mở đầu, triển khai, kết thúc. + Cần ghi chú một số bằng chứng (sự việc thực tế, số liệu...) từ ngữ then chốt để chủ động khi trình bày.
---	--

2.2. Trình bày bài nói

a. Mục tiêu: Biết được các kỹ năng khi nói

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>-GV yêu cầu HS tập luyện trình bày bài nói</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>3- 4 HS trình bày bài nói trước lớp. Các HS khác lắng nghe quan sát nhận xét vào phiếu đánh giá (Phiếu số 2)</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>HS 1: Trình bày bài nói</p> <p>HS 2: Nhận xét, đánh giá về bài nói của HS1</p> <p>HS 3: Nhận xét đánh giá về bài nói của HS1</p> <p>HS 1: Phản hồi đánh giá của các bạn: nhất trí/ tiếp thu/ giải thích làm rõ hơn.../</p> <p>HS 4: Trình bày bài nói</p> <p>HS 5: Nhận xét, đánh giá về bài nói của HS4</p> <p>HS 6: Nhận xét đánh giá về bài nói của HS4</p> <p>HS 4: Phản hồi đánh giá của các bạn: nhất trí/ tiếp thu/ giải thích.../</p>	<p>II. Trình bày bài nói</p> <p>- Mở đầu: Giới thiệu sự việc cần trình bày. Có thể kể một câu chuyện nhỏ, dẫn một tài liệu, dùng một bức ảnh hay đoạn phim để giới thiệu sự việc.</p> <p>- Triển khai:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bám sát dàn ý để trình bày nội dung theo trật tự hợp lý, giúp người nghe dễ theo dõi, nắm bắt ý kiến. <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lí do lựa chọn vấn đề. + Trình bày ý kiến về vấn đề. Chú ý sử dụng lí lẽ và bằng chứng làm cơ sở cho ý kiến của mình. + Nêu giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề. <p>- Kết thúc: Nêu ý nghĩa của sự việc đã trình bày</p> <p>Lưu ý: Khi trình bày, cần phối hợp ngôn ngữ nói với các phương tiện phi ngôn ngữ; luôn chú ý thái độ của người nghe để điều chỉnh khi cần thiết.</p>

...	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	

2.3. Sau khi nói

a. Mục tiêu: Biết nhận xét, đánh giá về bài nói của bạn.

b. Nội dung: HS thực hiện phiếu học tập, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đánh giá bài thảo luận theo mẫu bảng kiểm - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	III. Sau khi nói Người nghe - Đánh giá về sự việc được người nói đề cập (chú ý mức độ phù hợp của đề tài so với yêu cầu đặt ra trong bài). - Bày tỏ sự đồng tình chia sẻ hoặc đưa ra ý kiến phản biện quan điểm của người nói (đặc biệt là ý kiến liên quan đến cách giải quyết vấn đề) - Nhận xét về nội dung trình bày và cách trình bày của người nói. Người nói - Giải thích lí do lựa chọn vấn đề để trình bày ý kiến, phân tích thêm để thấy tính hợp lí của sự lựa chọn đó. - Lắng nghe để nắm bắt ý kiến trao đổi của người nghe về các khía cạnh cụ thể của sự việc. - Lắng nghe ý kiến nhận xét đánh giá của người nghe để rút kinh nghiệm, hoàn thiện kĩ năng chuẩn bị và trình bày bài nói

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm rèn luyện thêm kĩ năng nói.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS trình bày bài nói của mình trước lớp

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS nghe GV yêu cầu, sau đó thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo và thảo luận

- GV mời HS trình bày bài làm của mình.

Bước 4: Đánh giá, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ nói và nghe trong một tình huống giao tiếp cụ thể.

b. Nội dung: Các nhóm trình bày kết quả thảo luận bằng cách quay video clip rồi gửi vào nhóm zalo lớp.

- Các nhóm khác nghe và ghi lại, gửi câu hỏi cho nhóm bạn những vấn đề cần làm rõ để cùng trao đổi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV quan sát, gợi mở, hỗ trợ (nếu cần).

- HS suy nghĩ cá nhân.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Trình bày cá nhân.

- Các HS khác theo dõi, nhận xét, phản biện (nếu có).

***Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét thái độ tích cực chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS.

- Tuyên dương, ghi điểm cho những HS có bài nói lưu loát, tự tin. Động viên, khuyến khích những HS chưa hoàn thành được nhiệm vụ.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. Vấn đề cần trình bày:

.....

2. Nội dung bài nói:

-Phần mở đầu:

-Phần triển khai:

+ Lý do chọn vấn đề:.....

.....

+ Trình bày ý kiến về vấn đề:

.....

.....
+ Nêu giải pháp giải quyết vấn đề:

.....

.....

3. Phần kết thúc: Khẳng định ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề.

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ BÀI TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÓ TÍNH THỜI SỰ TRONG ĐỜI SỐNG CỦA LỨA TUỔI HỌC SINH HIỆN NAY

Tiêu chí	Đạt	Không đạt
Lựa chọn vấn đề phù hợp với lứa tuổi học sinh.		
Bài nói có đầy đủ 3 phần: MB, TB, KB		
Nêu được vấn đề cần trình bày.		
Đưa ra được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục		
Đề xuất được giải pháp để giải quyết vấn đề.		
Nêu được ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề.		
Giọng nói to, rõ ràng, mạch lạc thể hiện cảm xúc phù hợp với nội dung của vấn đề		
Người nói tự tin, nét mặt cử chỉ hợp lí		

Sử dụng phương tiện hỗ trợ: tranh ảnh, video....		
--	--	--

BÀI 3**HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH ĐỌC VĂN BẢN:**

KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH
(Trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du)

1. Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức về thể loại truyện thơ Nôm và kĩ năng đọc một đoạn trích trong truyện thơ Nôm theo đặc trưng thể loại để tự đọc hiểu một VB khác.

2. Nội dung hoạt động

-GV chuyển giao nhiệm vụ sau khi học xong văn bản 2

-HS tự thực hành đọc ở nhà, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong tiết học tiếp theo.

3. Sản phẩm: Bài làm của học sinh**4. Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Dự kiến sản phẩm
-GV hướng dẫn HS tự đọc văn bản ở nhà theo những lưu ý trong sách giáo khoa -GV chuyển giao nhiệm vụ 1. Nêu vị trí, bố cục, nội dung chính của đoạn trích. 2. Xác định lời người kể chuyện, lời độc thoại nội tâm của nhân vật. 3. Phân tích diễn biến tâm trạng và đặc điểm tính cách nhân vật. 4. Nêu chủ đề của đoạn trích và tư tưởng, tình cảm của tác giả. 5. Đặc điểm nghệ thuật của văn bản	-HS tự hoàn thành nhiệm vụ được giao vào ở bài tập của mình.	1. Vị trí, bố cục, nội dung đoạn trích: + Vị trí: từ câu 1033 đến câu 1054, thuộc phần <i>Chia li</i> trong cốt truyện của <i>Truyện Kiều</i> . Sau khi bị Mã Giám Sinh lừa vào lầu xanh, Thuý Kiều phẫn uất rút dao tự tử nhưng không thành. Tú Bà đưa nàng đến ở lầu Ngưng Bích, tiếng là để dưỡng thương nhưng thực chất là giam lỏng, chờ cơ hội thực hiện âm mưu đưa nàng vào bẫy (với sự trợ giúp của Sở Khanh), ép nàng tiếp khách. + Bố cục: - 6 dòng đầu: Hoàn cảnh tội nghiệp, đáng thương của Kiều; - 8 dòng tiếp: Nỗi nhớ thương Kim Trọng và cha mẹ của Kiều - 8 dòng cuối: Tâm trạng ngồn ngộn, nặng trĩu lo âu của Kiều

		<p>+ Nội dung chính đoạn trích: Tâm trạng cô đơn, buồn tủi của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.</p> <p>2.Lời người kể chuyện, lời độc thoại nội tâm của nhân vật.</p> <p>Cảnh lầu Ngưng Bích và diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều được miêu tả qua lời người kể chuyện(6 dòng đầu, 8 dòng cuối) và lời độc thoại nội tâm của nhân vật (8 câu giữa)</p> <p>3.Diễn biến tâm trạng và đặc điểm tính cách nhân vật.</p> <p>+ Diễn biến tâm trạng: Từ tâm trạng cô đơn, buồn tủi khi nhìn thấy khung cảnh hoang vu trước lầu Ngưng Bích (6 dòng đầu) đến nỗi nhớ thương Kim Trọng và nỗi thương xót cha mẹ của Kiều (8 câu tiếp) và sau đó là sự xót xa, buồn tủi và lo lắng cho số phận của mình.</p> <p>+Đặc điểm tính cách: tinh tế, nhạy cảm; thủy chung, hiếu thảo; giàu lòng vị tha, đức hi sinh.</p> <p>4.Nêu chủ đề của đoạn trích và tư tưởng, tình cảm của tác giả: Cảm thông, thương xót cho nỗi đau khổ, bất hạnh của Kiều; trân trọng, ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của nhân vật; thấu hiểu, đồng tình với khát vọng sống, khát vọng hạnh</p>
--	--	---

		<p>phúc của con người.</p> <p>5.Đặc điểm nghệ thuật của văn bản</p> <p>-Bút pháp: miêu tả thiên nhiên để thể hiện tâm trạng nhân vật; thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật qua dòng độc thoại nội tâm.</p> <p>- Từ ngữ: phong phú, đa dạng, vừa cô đọng, hàm súc vừa chân thực, sống động (từ Hán Việt, điển tích, điển cố, từ láy, động từ,...).</p> <p>+ Các thủ pháp nghệ thuật như đối, điệp, liệt kê, nhân hóa,... được sử dụng linh hoạt.</p> <p>+ Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.</p> <p>+ Sự đan xen giữa lời người kể chuyện và lời độc thoại nội tâm của nhân vật</p>
--	--	--